

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **65/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/3/2022
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1720/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: Xóm Mỹ Lạc, xã Kỳ Sơn, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: Số 276/2, tổ 3, khu phố 11, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: A Võ Đức A, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số 276/2, tổ 3, khu phố 11, phường A, tp. H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày : Chị và A Võ Đức A xây dựng gia đình vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2010 tại UBND xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, từ năm 2019 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A A để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 01 con chung tên:

Võ Tuấn K, sinh ngày 30/5/2016.

Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu A A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 30/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn A Võ Đức A, theo biên bản xác minh tại Công an phường A ngày 29/11/2021 A A là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Số 276/2, tổ 3, khu phố 11, phường A, tp. H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

A Vô Đức A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và A A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2015 tại UBND xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, từ năm 2019 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Chị H có đơn yêu cầu được ly hôn A A.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần mời A A làm việc nhưng A A không đến chứng tỏ A đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 29/11/2021 của chính quyền địa phương xác nhận tình trạng mâu thuẫn của chị H và A A là có thật, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị H, A A có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc, A A không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với A A.

[3] Về con chung: Chị H và A A có 01 con chung :

Võ Tuấn K, sinh ngày 30/5/2016.

Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2022 địa phương xác nhận cháu K đang sống cùng chị H và hiện nay do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, do vậy để giữ sự ổn định cho trẻ cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời A A không cấp dưỡng nuôi con chung. A A được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Do chưa có ý kiến trình bày của A A về tài sản chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: do chưa có ý kiến trình bày của A A về nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn A Võ Đức A.

2. **Về con chung:** Giao cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 30/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời A Võ Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con. A Võ Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. **Về tài sản chung :** Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu

4. **Nợ chung :** Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

5. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0000154 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

5. Chị Nguyễn Thị H, A Võ Đức A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hà Vân

